TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34633 /CT-HTr
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
(Địa chỉ: Số 18 Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. MST: 0100686174)

Trả lời công văn số 6056/NHNo-TCKT ngày 08/9/2014 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

+ Tại Điều 2 quy định về đối tượng chịu thuế:

"Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này."

+ Tại Điểm g Khoản 8 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:

... g) Dịch vụ tài chính phái sinh bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; quyền chọn mua, bán ngoại tệ; các dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật;"

+ Tại Điều 11 quy định về thuế suất 10%:

"Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này. ..."

- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, quy định về đối tượng áp dụng:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ đối tượng nêu tại Điều 4 Chương I Thông tư này):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có

thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu. ..."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định về đối tượng áp dụng:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu. ..."

+ Tại Mục 1 Chương II quy định về đối tượng chịu thuế GTGT và thu nhập chịu thuế TNDN:

"Điều 6. Đối tượng chịu thuế GTGT

1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), ...

Điều 7. Thu nhập chịu thuế TNDN

1. Thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là thu nhập phát sinh từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hoá; cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I). ..."

+ Tại Khoản 1 Điều 17 quy định về hiệu lực thi hành:

"1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014, thay thế Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam."

- Căn cứ công văn số 1924/TCT-DNL ngày 20/5/2015 của Tổng cục Thuế về việc chính sách thuế.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn về nguyên tắc như sau:

1. Về thuế GTGT:

Ngân hàng thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT thuế suất 10% đối với khoản phí chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài mà Ngân hàng thực nhận (không phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với khoản thu hộ Ngân hàng nước ngoài).

2. Về thuế nhà thầu:

- Đối với dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài dưới các hình thức OUR, BEN, SHARE: Khoản phí chuyển tiền mà bên nước ngoài nhận được từ dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài thực hiện tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu (thuế GTGT và thuế TNDN). Đề nghị Ngân hàng căn cứ điều kiện cụ thể của đối tác nước ngoài để thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

- Đối với dịch vụ tài chính phái sinh: Các dịch vụ tài chính phái sinh thuộc đối tượng chịu thuế TNDN và không chịu thuế GTGT. Ngân hàng căn cứ vào điều kiện cụ thể để áp dụng kê khai, tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị Ngân hàng liên hệ Phòng Kiểm tra thuế số 2 - Cục Thuế TP Hà Nội để được giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam biết để thực hiện theo đúng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 2;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CỤC THUẾ

Vũ Mai Sơn